

Số: 7 / BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
LẤY Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2019-2020**

Kính gửi: Hiệu trưởng

Căn cứ Kế hoạch số 10/KH-QLCL ngày 26/10/2020 của Phòng Quản lý chất lượng về việc Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 2, năm học 2019-2020 đã được Hiệu trưởng phê duyệt;

Phòng Quản lý chất lượng báo cáo kết quả khảo sát như sau:

1. Mục đích

- Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học.
- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên, học viên, hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của người học nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong giảng dạy. Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy.
- Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.
- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc.
- Người học hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu phiếu do cơ sở giáo dục đại học cung cấp.
- Thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

3. Thời gian thực hiện

Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2020

4. Đối tượng, phạm vi thực hiện

- Giảng viên (GV) giảng dạy các học phần của các Khoa trong Trường.
- Sinh viên (SV) các lớp đại học hệ chính quy (CQ), sinh viên hệ vừa làm vừa học (VLVH) và học viên (HV) các lớp Sau đại học của các Khoa.
- Mỗi ngành chọn 3-4 lớp đại diện của các khóa 2017 đến khóa 2019, mỗi lớp chọn 4 học phần của những giảng viên khác nhau.

5. Nội dung:

- Thu thập ý kiến phản hồi của SV, HV các lớp, các khóa, các Khoa.
- Bộ câu hỏi khảo sát được đánh giá với các nội dung chính là: **1-Tác phong sư phạm; 2-Nội dung giảng dạy; 3-Tổ chức hoạt động giảng dạy; 4-Kiểm tra đánh giá; 5-Công tác cố vấn học tập.**
- Sự hài lòng của người học thể hiện ở 5 mức độ: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**

6. Phương pháp thực hiện

- Phát phiếu trực tiếp tới SV, HV hướng dẫn làm và thu lại.
- Nhập, lưu trữ và xử lý kết quả bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.
- **Tỷ lệ hài lòng** là tổng số ý kiến “Rất hài lòng” và “Hài lòng” / tổng số ý kiến.
- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm trung bình (TB) của từng câu hỏi.
- Viết báo cáo kết quả sau khi nhập và xử lý dữ liệu.

7. Thuận lợi và khó khăn

+ Thuận lợi:

- Được tạo điều kiện của Lãnh đạo Trường và Phòng.
- Được sự giúp đỡ của cán bộ trong Phòng và các đơn vị liên quan trong Trường.
- Sự cung cấp thông tin nhiệt tình, trung thực, thẳng thắn của SV, HV.

+ Khó khăn:

- Một số ít sinh viên chưa dám ý kiến phản ánh đúng sự thật vì còn e ngại va chạm.
- Quá trình lấy ý kiến, nhập, xử lý số liệu và viết báo cáo tốn khá nhiều thời gian.

8. Kết quả khảo sát

Đã khảo sát lấy ý kiến được 11.364 lượt SV, HV các lớp hệ CQ, hệ VLVH và hệ SDH (gồm 117 lớp, 468 học phần, 468 lượt GV) của các Khoa, các hệ trong Trường. Kết quả người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV các Khoa như sau:

8.1. Khoa Y Dược

Đã khảo sát lấy ý kiến được 13 lớp, 2616 lượt SV, 52 học phần của 52 lượt GV. Kết quả SV đánh giá hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Y Dược như sau:

Bảng 8.1.1: Hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Y Dược (ĐVT: %)

STT	Nội dung	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Điểm số
1	GV thực hiện đúng nội quy, giờ giấc lên lớp;	2,3	7,1	90,6	4,5
2	Tôn trọng sinh viên;	1,9	6,7	91,4	4,5
3	Trang phục gọn gàng, tác phong lịch sự.	1,5	6,9	91,6	4,6
4	GV thông tin cho SV đầy đủ về đề cương chi tiết học phần ở đầu học kỳ;	4,3	6,5	89,2	4,4
5	GV đảm bảo kế hoạch giảng dạy: giờ lên lớp, nội dung, khối lượng giảng dạy theo thời khóa biểu đã công bố;	2,2	7,5	90,3	4,5
6	Các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo được GV cung cấp giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả;	3,5	7,9	88,6	4,5
7	Phương pháp truyền đạt của GV giúp SV tích cực trong học tập và nghiên cứu;	1,8	8,7	89,5	4,5
8	SV hài lòng với kiến thức chuyên sâu và nâng cao mà GV cung cấp trong học phần này.	3,7	6,1	90,2	4,5
9	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm.	2,1	7,5	90,4	4,5
10	Nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy, quan tâm, giúp đỡ SV.	2,0	7,8	90,2	4,5
11	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho SV.	2,0	8,5	89,5	4,5
12	GV ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy.	1,7	7,6	90,7	4,5
13	SV có nắm vững kiến thức trọng tâm, vận dụng vào thực tiễn.	2,6	7,3	90,1	4,5
14	Việc kiểm tra đánh giá học phần có phù hợp với chương trình dạy học.	4,5	5,1	90,4	4,5

15	Chấm bài công bằng, khách quan, chính xác, công bố điểm đúng thời hạn và Quy định của Nhà trường.	5,2	4,3	90,5	4,4
16	Nhìn chung, anh/chị có hài lòng về GV này.	4,9	4,4	90,7	4,5
17	CVHT có thường xuyên quan tâm đến lớp.	2,1	14,1	83,8	4,4
18	CVHT hướng dẫn SV về việc nắm vững các Quy chế của Bộ GDĐT, của Trường, kế hoạch học tập, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, NCKH.	1,7	8,5	89,8	4,5
19	CVHT quản lý sinh viên sát sao, toàn diện trong quá trình học tập.	1,8	14,1	84,1	4,4
20	CVHT nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện.	1,8	7,8	90,4	4,5
TRUNG BÌNH		2,7	7,7	89,6	4,5

Kết quả Bảng trên cho thấy: Mức độ không hài lòng trung bình của SV là 2,7%; số SV đánh giá bình thường là 7,7%; số SV hài lòng đạt 89,6%.

Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 4,5.

* **Ý kiến khác:** Có 0,7% số sinh viên góp ý như sau:

- Một số giảng viên dạy hay, nhiệt tình, có tâm huyết với nghề;
- Một số giảng viên chấm bài chưa công bằng;
- Đề thi một số học phần quá dài, thời gian làm bài không đủ.

8.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

Đã khảo sát lấy ý kiến được 16 lớp, 864 lượt SV, 64 học phần của 64 lượt GV. Kết quả SV đánh giá hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Nông Lâm nghiệp như sau:

Bảng 8.2.1: Hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Nông Lâm nghiệp (ĐVT: %)

STT	Nội dung	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Điểm số
1	GV thực hiện đúng nội quy, giờ giấc lên lớp;	0,0	20,9	79,1	3,9
2	Tôn trọng sinh viên;	0,0	21,0	79,0	3,9
3	Trang phục gọn gàng, tác phong lịch sự.	0,0	21,0	79,0	3,9
4	GV thông tin cho SV đầy đủ về đề cương chi tiết học phần ở đầu học kỳ;	0,0	21,0	79,0	3,9
5	GV đảm bảo kế hoạch giảng dạy: giờ lên lớp, nội dung, khối lượng giảng dạy theo thời khóa biểu đã công bố;	0,0	21,0	79,0	3,9
6	Các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo được GV cung cấp giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả;	0,0	17,6	82,4	3,9
7	Phương pháp truyền đạt của GV giúp SV tích cực trong học tập và nghiên cứu;	0,0	17,6	82,4	3,9
8	SV hài lòng với kiến thức chuyên sâu và nâng cao mà GV cung cấp trong học phần này.	0,0	17,6	82,4	3,9
9	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm.	0,0	17,7	82,3	3,9
10	Nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy, quan tâm, giúp đỡ SV.	0,0	16,7	83,3	3,9
11	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho SV.	0,0	17,2	82,8	3,9
12	GV ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy.	0,0	16,5	83,5	4,0
13	SV có nắm vững kiến thức trọng tâm, vận dụng vào thực tiễn.	0,0	22,9	77,1	3,9
14	Việc kiểm tra đánh giá học phần có phù hợp với chương trình dạy học.	0,0	23,8	76,2	3,9

15	Chấm bài công bằng, khách quan, chính xác, công bố điểm đúng thời hạn và Quy định của Nhà trường.	0,0	22,9	77,1	3,9
16	Nhìn chung, anh/chị có hài lòng về GV này.	0,0	22,5	77,5	3,9
17	CVHT có thường xuyên quan tâm đến lớp.	0,0	27,0	73,0	3,8
18	CVHT hướng dẫn SV về việc nắm vững các Quy chế của Bộ GDĐT, của Trường, kế hoạch học tập, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, NCKH.	0,0	26,9	73,1	3,8
19	CVHT quản lý sinh viên sát sao, toàn diện trong quá trình học tập.	0,0	26,7	73,3	3,9
20	CVHT nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện.	0,0	26,7	73,3	3,9
TRUNG BÌNH		0,0	21,3	78,7	3,9

Kết quả Bảng trên cho thấy: Mức độ không hài lòng trung bình của SV là 0,0%; số SV đánh giá bình thường là 21,3%; số SV hài lòng đạt 78,7%.

Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 3,9.

* **Ý kiến khác:** Không.

8.3 Khoa Kinh tế

Đã khảo sát lấy ý kiến được 20 lớp, 2735 lượt SV, 80 học phần của 80 lượt GV. Kết quả SV đánh giá hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Kinh tế như sau:

Bảng 8.3.1: Hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Kinh tế (ĐVT: %)

STT	Nội dung	Không Hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Điểm số
1	GV thực hiện đúng nội quy, giờ giấc lên lớp;	1,9	11,5	86,6	4,3
2	Tôn trọng sinh viên;	1,9	11,4	86,6	4,3
3	Trang phục gọn gàng, tác phong lịch sự.	1,6	10,1	88,3	4,4
4	GV thông tin cho SV đầy đủ về đề cương chi tiết học phần ở đầu học kỳ;	3,9	13,6	82,5	4,2
5	GV đảm bảo kế hoạch giảng dạy: giờ lên lớp, nội dung, khối lượng giảng dạy theo thời khóa biểu đã công bố;	2,7	13,2	84,1	4,2
6	Các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo được GV cung cấp giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả;	3,8	15,6	80,6	4,2
7	Phương pháp truyền đạt của GV giúp SV tích cực trong học tập và nghiên cứu;	4,6	15,6	79,8	4,2
8	SV hài lòng với kiến thức chuyên sâu và nâng cao mà GV cung cấp trong học phần này.	4,2	14,9	80,9	4,2
9	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm.	3,4	14,6	82,0	4,2
10	Nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy, quan tâm, giúp đỡ SV.	3,2	14,2	82,5	4,2
11	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho SV.	3,9	14,9	81,2	4,2
12	GV ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy.	3,2	15,2	81,6	4,2
13	SV có nắm vững kiến thức trọng tâm, vận dụng vào thực tiễn.	4,6	12,9	82,4	4,2
14	Việc kiểm tra đánh giá học phần có phù hợp với chương trình dạy học.	3,4	13,5	83,2	4,2
15	Chấm bài công bằng, khách quan, chính xác, công bố điểm đúng thời hạn và Quy định của Nhà trường.	3,8	13,1	83,1	4,2
16	Nhìn chung, anh/chị có hài lòng về GV này.	3,6	13,6	82,8	4,2

17	CVHT có thường xuyên quan tâm đến lớp.	2,3	20,1	77,6	4,1
18	CVHT hướng dẫn SV về việc nắm vững các Quy chế của Bộ GDĐT, của Trường, kế hoạch học tập, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, NCKH.	2,2	15,5	82,2	4,2
19	CVHT quản lý sinh viên sát sao, toàn diện trong quá trình học tập.	2,6	20,3	77,2	4,1
20	CVHT nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện.	2,7	13,2	84,1	4,2
TRUNG BÌNH		3,2	14,3	82,5	4,2

Kết quả Bảng trên cho thấy: Mức độ không hài lòng trung bình của SV là 3,2%; số SV đánh giá bình thường là 14,3%; số SV hài lòng đạt 82,5%.

Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 4,2.

* **Ý kiến khác:** Có 1,0% số sinh viên góp ý như sau:

- Một số học phần nên thi đề mở;
- Giảng viên dạy hay, nhiệt tình;
- Giảng viên nên giao tiếp cởi mở với SV nhiều hơn;
- Một số giảng viên cần dạy đúng trọng tâm học phần.

8.4. Khoa Sư phạm

Đã khảo sát lấy ý kiến được 17 lớp, 1600 lượt SV, 68 học phần của 68 lượt GV. Kết quả SV ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Sư phạm như sau:

Bảng 8.4.1: Hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Sư phạm (ĐVT: %)

STT	Nội dung	Không Hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Điểm số
1	GV thực hiện đúng nội quy, giờ giấc lên lớp;	1,0	6,1	92,9	4,5
2	Tôn trọng sinh viên;	1,3	6,1	92,6	4,5
3	Trang phục gọn gàng, tác phong lịch sự.	1,2	4,7	94,1	4,5
4	GV thông tin cho SV đầy đủ về đề cương chi tiết học phần ở đầu học kỳ;	2,0	8,9	89,1	4,4
5	GV đảm bảo kế hoạch giảng dạy: giờ lên lớp, nội dung, khối lượng giảng dạy theo thời khóa biểu đã công bố;	1,4	8,3	90,3	4,4
6	Các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo được GV cung cấp giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả;	1,3	9,2	89,5	4,4
7	Phương pháp truyền đạt của GV giúp SV tích cực trong học tập và nghiên cứu;	1,8	9,3	88,9	4,3
8	SV hài lòng với kiến thức chuyên sâu và nâng cao mà GV cung cấp trong học phần này.	1,5	9,5	89,0	4,3
9	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm.	1,6	6,9	91,5	4,4
10	Nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy, quan tâm, giúp đỡ SV.	1,8	7,7	90,5	4,4
11	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho SV.	1,9	9,8	88,3	4,3
12	GV ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy.	1,9	9,5	88,6	4,3
13	SV có nắm vững kiến thức trọng tâm, vận dụng vào thực tiễn.	1,9	8,6	89,5	4,4
14	Việc kiểm tra đánh giá học phần có phù hợp với chương trình dạy học.	1,5	9,1	89,4	4,4
15	Chấm bài công bằng, khách quan, chính xác, công bố điểm đúng thời hạn và Quy định của Nhà trường.	1,5	7,4	91,1	4,4

16	Nhìn chung, anh/chị có hài lòng về GV này.	1,4	8,8	89,8	4,4
17	CVHT có thường xuyên quan tâm đến lớp.	2,0	5,8	92,2	4,4
18	CVHT hướng dẫn SV về việc nắm vững các Quy chế của Bộ GDĐT, của Trường, kế hoạch học tập, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, NCKH.	1,7	7,8	90,5	4,3
19	CVHT quản lý sinh viên sát sao, toàn diện trong quá trình học tập.	1,7	6,4	91,9	4,4
20	CVHT nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện.	1,9	6,4	91,7	4,4
TRUNG BÌNH		1,6	7,8	90,6	4,4

Kết quả Bảng trên cho thấy: Mức độ không hài lòng trung bình của SV là 1,6%; số SV đánh giá bình thường là 7,8%; số SV hài lòng đạt 90,6%.

Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 4,4.

* **Ý kiến khác:** Không.

8.5. Khoa Lý luận Chính trị

Đã khảo sát lấy ý kiến được 6 lớp, 204 lượt SV, 24 học phần của 24 lượt GV. Kết quả SV ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Lý luận Chính trị như sau:

Bảng 8.5.1: Hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa LLCT (ĐVT: %)

STT	Nội dung	Không Hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Điểm số
1	GV thực hiện đúng nội quy, giờ giấc lên lớp;	1,9	9,2	88,9	4,3
2	Tôn trọng sinh viên;	2,4	11,5	86,1	4,3
3	Trang phục gọn gàng, tác phong lịch sự.	1,9	9,2	88,9	4,4
4	GV thông tin cho SV đầy đủ về đề cương chi tiết học phần ở đầu học kỳ;	1,9	9,2	88,9	4,3
5	GV đảm bảo kế hoạch giảng dạy: giờ lên lớp, nội dung, khối lượng giảng dạy theo thời khóa biểu đã công bố;	2,4	7,7	89,9	4,3
6	Các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo được GV cung cấp giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả;	1,9	8,2	89,9	4,3
7	Phương pháp truyền đạt của GV giúp SV tích cực trong học tập và nghiên cứu;	1,9	9,6	88,5	4,3
8	SV hài lòng với kiến thức chuyên sâu và nâng cao mà GV cung cấp trong học phần này.	2,4	9,6	88,0	4,3
9	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm.	2,4	14,4	83,2	4,2
10	Nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy, quan tâm, giúp đỡ SV.	1,9	13,5	84,6	4,3
11	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho SV.	1,9	13,9	84,2	4,3
12	GV ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy.	2,4	12,5	85,1	4,2
13	SV có nắm vững kiến thức trọng tâm, vận dụng vào thực tiễn.	2,4	13,0	84,6	4,2
14	Việc kiểm tra đánh giá học phần có phù hợp với chương trình dạy học.	1,9	14,9	83,2	4,2
15	Chấm bài công bằng, khách quan, chính xác, công bố điểm đúng thời hạn và Quy định của Nhà trường.	1,9	13,5	84,6	4,2
16	Nhìn chung, anh/chị có hài lòng về GV này.	1,9	13,5	84,6	4,2
17	CVHT có thường xuyên quan tâm đến lớp.	2,4	13,9	83,7	4,2

18	CVHT hướng dẫn SV về việc nắm vững các Quy chế của Bộ GDĐT, của Trường, kế hoạch học tập, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, NCKH.	2,4	13,5	84,1	4,2
19	CVHT quản lý sinh viên sát sao, toàn diện trong quá trình học tập.	2,4	13,9	83,7	4,2
20	CVHT nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ SV trong quá trình học tập và rèn luyện.	1,9	13,0	85,1	4,3
TRUNG BÌNH		2,1	11,9	86,0	4,3

Kết quả Bảng trên cho thấy: Mức độ không hài lòng trung bình của SV là 2,1%; số SV đánh giá bình thường là 11,9%; số SV hài lòng đạt 86,0%.

Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 4,3.

* **Ý kiến khác:** Có 1,0% số sinh viên góp ý như sau:

- Một số giảng viên giảng nhỏ, gây buồn ngủ cho SV.

8.6. Khoa Ngoại ngữ

Đã khảo sát lấy ý kiến được 6 lớp, 852 lượt SV, 24 học phần của 24 lượt GV. Kết quả SV ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Ngoại ngữ như sau:

Bảng 8.6.1: SV đánh giá hoạt động giảng dạy của GV dạy Khoa Ngoại ngữ (ĐVT: %)

STT	Nội dung	Không Hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Điểm số
1	GV thực hiện đúng nội quy, giờ giấc lên lớp;	6,4	15,4	78,2	4,1
2	Tôn trọng sinh viên;	6,0	13,4	80,6	4,1
3	Trang phục gọn gàng, tác phong lịch sự.	5,5	12,3	82,2	4,2
4	GV thông tin cho SV đầy đủ về đề cương chi tiết học phần ở đầu học kỳ;	6,3	14,4	79,3	4,1
5	GV đảm bảo kế hoạch giảng dạy: giờ lên lớp, nội dung, khối lượng giảng dạy theo thời khóa biểu đã công bố;	6,2	13,5	80,3	4,1
6	Các giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo được GV cung cấp giúp SV tiếp thu bài giảng hiệu quả;	6,1	13,9	80,0	4,1
7	Phương pháp truyền đạt của GV giúp SV tích cực trong học tập và nghiên cứu;	7,6	12,6	79,8	4,1
8	SV hài lòng với kiến thức chuyên sâu và nâng cao mà GV cung cấp trong học phần này.	6,2	13,6	80,2	4,1
9	Năng lực diễn đạt, giao tiếp sư phạm.	5,6	14,5	79,9	4,1
10	Nhiệt tình, trách nhiệm trong giảng dạy, quan tâm, giúp đỡ SV.	6,5	14,3	79,2	4,1
11	Hướng dẫn phương pháp học tập, phát triển tư duy sáng tạo cho SV.	6,1	13,2	80,7	4,1
12	GV ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy.	5,8	13,6	80,6	4,1
13	SV có nắm vững kiến thức trọng tâm, vận dụng vào thực tiễn.	6,3	14,1	79,6	4,1
14	Việc kiểm tra đánh giá học phần có phù hợp với chương trình dạy học.	5,5	15,8	78,7	4,0
15	Chấm bài công bằng, khách quan, chính xác, công bố điểm đúng thời hạn và Quy định của Nhà trường.	6,0	15,1	78,9	4,0
16	Nhìn chung, anh/chị có hài lòng về GV này.	6,2	12,6	81,2	4,1
17	CVHT có thường xuyên quan tâm đến lớp.	0,0	46,0	54,0	3,9